

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 31/7/2015 đến ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 31/7/2015 đến ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 31/07/2015 đến 31/12/2015.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi cổ phần hóa từ Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội theo Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 27/05/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và được đăng ký lần đầu ngày 31/7/2015.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 24/8/2015, thay đổi đăng ký lần thứ 1 ngày 12/11/2015. Mã số doanh nghiệp của Công ty là 0106953041.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Lien Ninh transport and Service Joint stock company.

Tên viết tắt: Lien Ninh Transerco

Địa chỉ Công ty: Km 15+200, quốc lộ 1A, thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ Công ty: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch (kể từ ngày 07/12/2015)
	Ông Lê Đức Hùng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 07/12/2015)
	Ông Chu Danh Lợi	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thủy	Ủy viên
	Ông Đoàn Thái Bình	Ủy viên
	Ông Dương Minh Thắng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Anh Toàn	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06/11/2015)
	Ông Lê Đức Hùng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/11/2015)
	Ông Chu Danh Lợi	Phó Giám đốc
	Ông Dương Minh Thắng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 31/07/2015 đến 31/12/2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 31/07/2015 đến 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Anh Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2016

Số: 204/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh

Kính gửi: **Các cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh, được lập ngày 05 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 31/07/2015 đến 31/12/2015 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 31/07/2015 đến 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đình Văn Thắng**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	31/07/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.328.796.243	19.113.591.149
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.865.631.787	2.054.605.274
1. Tiền	111		9.865.631.787	2.054.605.274
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.301.887.061	14.394.986.691
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	20.023.342.000	13.762.293.102
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	278.545.061	629.193.589
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	2.161.277.395	2.619.058.850
1. Hàng tồn kho	141		2.161.277.395	2.619.058.850
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.258.923.092	67.707.885.070
II. Tài sản cố định	220		59.861.720.264	67.092.206.082
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	59.861.720.264	67.092.206.082
- Nguyên giá	222		145.850.070.835	145.850.070.835
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.988.350.571)	(78.757.864.753)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		397.202.828	615.678.988
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	397.202.828	615.678.988
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		92.587.719.335	86.821.476.219

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

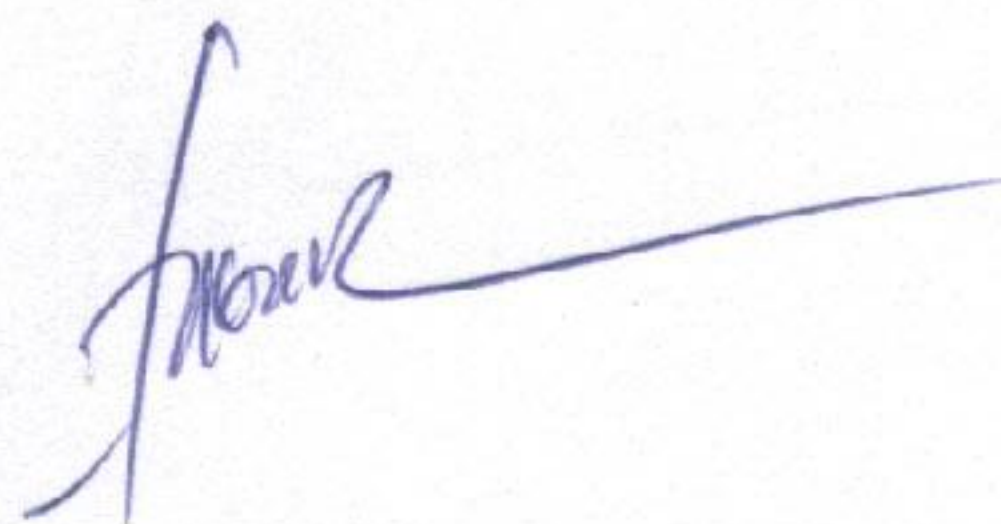
	MS	TM	31/12/2015 VND	31/07/2015 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		42.356.232.117	36.821.476.219
I. Nợ ngắn hạn	310		20.624.936.117	14.390.330.219
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	8.685.482.794	8.213.773.654
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	75.308.794	17.477.015
4. Phải trả người lao động	314		8.572.893.104	2.475.381.831
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.9	374.677.600	660.759.100
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	2.903.183.825	2.936.048.619
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		13.390.000	86.890.000
II. Nợ dài hạn	330		21.731.296.000	22.431.146.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	21.731.296.000	22.431.146.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.231.487.218	50.000.000.000
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	50.231.487.218	50.000.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	10.691.860.425
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	10.691.860.425
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		-	39.308.139.575
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		231.487.218	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		231.487.218	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		92.587.719.335	86.821.476.219
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Nguyễn Thị Thanh Vân


 Nguyễn Thị Thanh Vân


 Nguyễn Anh Toàn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 31/07/2015 đến 31/12/2015

Từ 31/7/2015
đến 31/12/2015
VND

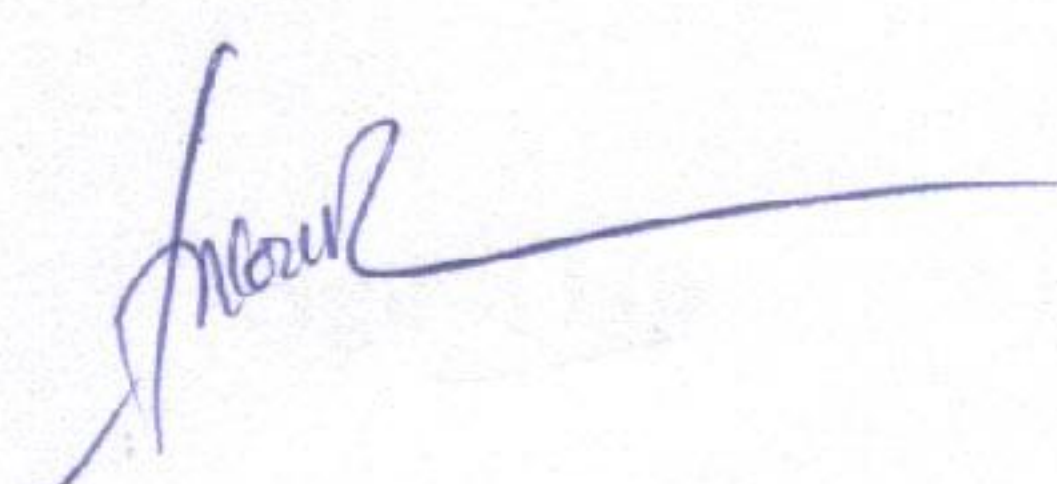
CHỈ TIÊU	MS	TM	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	57.203.573.818
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		57.203.573.818
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	50.570.039.448
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.633.534.370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	13.299.544
7. Chi phí tài chính	22	5.16	820.701.617
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		820.701.617
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	5.529.353.812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		296.778.485
11. Thu nhập khác	31		-
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		296.778.485
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	65.291.267
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		231.487.218
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	46*


Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Nguyễn Thị Ngọc


 Nguyễn Thị Thanh Vân



 Nguyễn Anh Toàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 31/07/2015 đến 31/12/2015

Từ 31/7/2015
 đến 31/12/2015

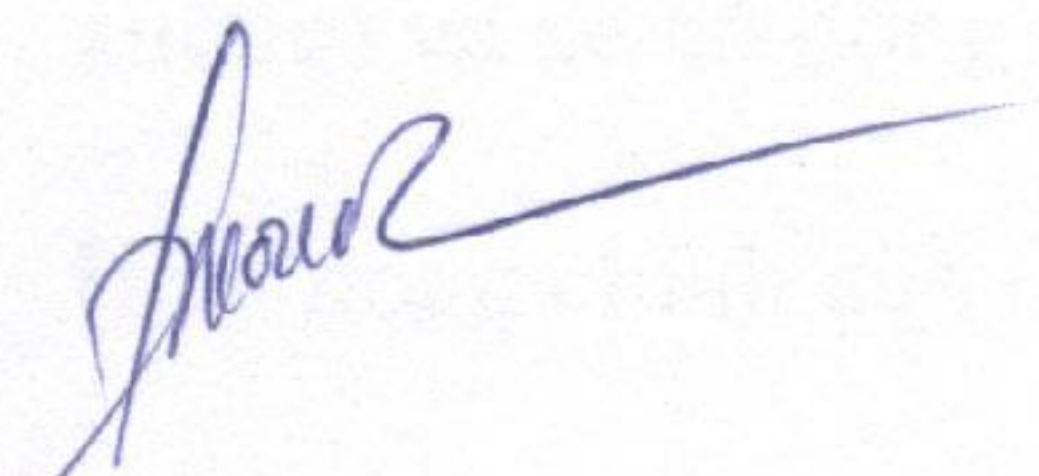
CHỈ TIÊU	MS	TM	VND
			4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		296.778.485
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		7.230.485.818
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.299.544)
- Chi phí lãi vay	06		820.701.617
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.334.666.376
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.438.862.813)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		160.739.949
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.621.316.963
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		263.416.494
- Tiền lãi vay đã trả	14		-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		107.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(250.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.797.726.969
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.299.544
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.299.544
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33		-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		7.811.026.513
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.054.605.274
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		9.865.631.787


Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Nguyễn Thị Ngươn


 Nguyễn Thị Thanh Vân


 Nguyễn Anh Toàn



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 31/07/2015 đến 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi cổ phần hóa từ Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội theo Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 27/05/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và được đăng ký lần đầu ngày 31/7/2015.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 24/8/2015, thay đổi đăng ký lần thứ 1 ngày 12/11/2015. Mã số doanh nghiệp của Công ty là 0106953041.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Lien Ninh transport and Service Joint stock company.

Tên viết tắt: Lien Ninh Transerco

Địa chỉ Công ty: Km 15+200, quốc lộ 1A, thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ Công ty: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty như sau:

Cổ đông	Vốn góp VND	Tỷ lệ
1. Vốn Nhà nước (Tổng Công ty Vận tải Hà Nội)	17.500.000.000	35,0%
2. Các Cổ đông khác	32.500.000.000	65,0%
Tổng	50.000.000.000	100%

Số lao động bình quân trong kỳ: 542 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Vận tải bằng xe buýt; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe động cơ khác); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách đường bộ khác (chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Cho thuê xe có động cơ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội nghị, đám cưới,...); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán Bar, karaoke, vũ trường); Bốc xếp hàng hóa; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn ô tô (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác./.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Vận tải hành khách bằng xe buýt.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 31/07/2015 đến 31/12/2015 là kỳ hoạt động đầu tiên của công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 31/07/2015 đến 31/12/2015

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2015/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2015.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Kỳ hoạt động từ ngày 31/07/2015
đến ngày 31/12/2015

Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08 năm
Máy móc và thiết bị	02-06 năm
Thiết bị văn phòng	02-04 năm
Phương tiện vận tải	02-08 năm

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	31/07/2015
	VND	VND
Tiền mặt	263.502.201	5.700.183
Tiền gửi ngân hàng	9.602.129.586	2.048.905.091
Tổng	9.865.631.787	2.054.605.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2015	31/07/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	20.023.342.000	13.762.293.102
<i>Tổng Công ty Vận tải Hà Nội</i>	<i>19.955.542.000</i>	<i>13.762.293.102</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>67.800.000</i>	-
Dài hạn	-	3.500.000
Tổng	20.023.342.000	13.765.793.102

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		31/07/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	278.545.061	-	629.193.589	-
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	299.832.000	-
- Tạm ứng	27.000.000	-	17.800.509	-
- Phải thu khác	251.545.061	-	311.561.080	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu Tổng Công ty Vận tải Hà Nội</i>	<i>216.436.709</i>	-	<i>281.986.607</i>	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	278.545.061	-	629.193.589	-

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		31/07/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.112.749.190	-	2.581.468.736	-
Công cụ, dụng cụ	48.528.205	-	37.590.114	-
Tổng	2.161.277.395	-	2.619.058.850	-

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 31/07/2015	19.480.212.335	1.772.020.000	124.348.377.000	249.461.500	145.850.070.835
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>19.480.212.335</u>	<u>1.772.020.000</u>	<u>124.348.377.000</u>	<u>249.461.500</u>	<u>145.850.070.835</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 31/07/2015	7.135.808.332	815.544.439	70.602.545.412	203.966.570	78.757.864.753
Tăng trong kỳ	643.194.980	178.622.589	6.393.716.180	14.952.069	7.230.485.818
Khấu hao trong kỳ	643.194.980	178.622.589	6.393.716.180	14.952.069	7.230.485.818
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>7.779.003.312</u>	<u>994.167.028</u>	<u>76.996.261.592</u>	<u>218.918.639</u>	<u>85.988.350.571</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 31/07/2015	<u>12.344.404.003</u>	<u>956.475.561</u>	<u>53.745.831.588</u>	<u>45.494.930</u>	<u>67.092.206.082</u>
Tại 31/12/2015	<u>11.701.209.023</u>	<u>777.852.972</u>	<u>47.352.115.408</u>	<u>30.542.861</u>	<u>59.861.720.264</u>

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2015 VND	31/07/2015 VND
Ngắn hạn	-	44.940.334
Dài hạn	397.202.828	615.678.988
Công cụ dụng cụ	397.202.828	615.678.988
Tổng	<u>397.202.828</u>	<u>660.619.322</u>

5.7 Phải trả khách hàng

	31/12/2015		31/07/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	8.685.482.794	8.685.482.794	8.213.773.654	8.213.773.654
- Cty TNHH Đầu tư TM&DV - Trí Tuệ	316.012.000	316.012.000	265.313.000	265.313.000
- Công ty Cổ phần Xăng dầu chất đốt	7.488.099.500	7.488.099.500	6.068.526.230	6.068.526.230
- Công ty TNHH cao su PT	202.500.000	202.500.000	405.000.000	405.000.000
- Công ty TNHH TMDV TH Hải Đăng	157.801.000	157.801.000	209.292.000	209.292.000
- Các đối tượng khác	521.070.294	521.070.294	1.265.642.424	1.265.642.424
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	<u>8.685.482.794</u>	<u>8.685.482.794</u>	<u>8.213.773.654</u>	<u>8.213.773.654</u>

5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/07/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2015
Phải nộp	17.477.015	90.658.570	32.826.791	75.308.794
Thuế giá trị gia tăng	-	12.418.182	5.959.091	6.459.091
Thuế TNDN	-	65.291.267	-	65.291.267
Thuế thu nhập cá nhân	17.477.015	9.581.421	23.500.000	3.558.436
Thuế tài nguyên	-	1.242.700	1.242.700	-
Thuế môn bài và thuế khác	-	2.125.000	2.125.000	-

5.9 Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	31/07/2015 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	374.677.600	660.759.100
Chi phí ăn ca	210.547.500	215.392.500
Chi phí điếm đỗ, bến bãi	71.900.000	72.562.500
Chi phí khác	92.230.100	372.804.100
Dài hạn	-	-
Tổng	374.677.600	660.759.100

5.10 Phải trả khác

	31/12/2015 VND	31/07/2015 VND
Ngắn hạn	2.903.183.825	2.936.048.619
Kinh phí công đoàn	-	63.386.838
Bảo hiểm xã hội	11.610.209	11.471.199
Phải trả về cổ phần hóa	49.886.999	1.499.920.582
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.530.686.617	17.270.000
<i>Phải trả Tổng Công ty</i>	<i>1.520.701.617</i>	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>9.985.000</i>	<i>17.270.000</i>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.311.000.000	1.344.000.000
Dài hạn	-	-
Tổng	2.903.183.825	2.936.048.619

5.11 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

a. Vay	31/12/2015		Trong năm		31/07/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	21.731.146.000	21.731.146.000	-	700.000.000	22.431.146.000	22.431.146.000
- Từ 12 tháng	21.731.146.000	21.731.146.000		700.000.000	22.431.146.000	22.431.146.000
- 60 tháng	21.731.146.000	21.731.146.000		700.000.000	22.431.146.000	22.431.146.000
Tổng	21.731.146.000	21.731.146.000	-	700.000.000	22.431.146.000	22.431.146.000

Khoản vay của Công ty thực chất là vay Tổng Công ty do được bàn giao từ Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh sang, khoản vay này do Tổng Công ty đứng ra dùng tài sản đảm bảo của Tổng Công ty vay ngân hàng thay cho Xí nghiệp. Khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh chưa ký lại Hợp đồng tín dụng với trực tiếp ngân hàng.

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 31/07/2015	10.691.860.425	39.308.139.575	-	50.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	231.487.218	231.487.218
Chuyển từ GTDN	39.308.139.575	(39.308.139.575)	-	-
Số dư tại 31/12/2015	50.000.000.000	-	231.487.218	50.231.487.218

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2015 VND
Vốn Nhà nước (Tổng Công ty Vận tải Hà Nội)	17.500.000.000
Các Cổ đông khác	32.500.000.000
Tổng	50.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp tại đầu kỳ	10.691.860.425
Vốn góp tăng trong kỳ (đánh giá lại tài sản)	39.308.139.575
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp tại cuối kỳ	50.000.000.000
Cổ tức đã chia	-
Phân phối các quỹ	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

31/12/2015

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Cổ phiếu phổ thông	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000

5.13 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**Từ 31/07/2015
đến 31/12/2015
VND**

Doanh thu cung cấp dịch vụ xe buýt	57.079.392.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	124.181.818
Tổng	57.203.573.818

5.14 Giá vốn

**Từ 31/07/2015
đến 31/12/2015
VND**

Giá vốn cung cấp dịch vụ xe buýt	50.570.039.448
Tổng	50.570.039.448

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

**Từ 31/07/2015
đến 31/12/2015
VND**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.299.544
Tổng	13.299.544

5.16 Chi phí tài chính

**Từ 31/07/2015
đến 31/12/2015
VND**

Lãi tiền vay	820.701.617
Tổng	820.701.617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ 31/07/2015
đến 31/12/2015
VND

Chi phí nhân viên quản lý	3.562.157.374
Chi phí vật liệu quản lý	38.633.659
Chi phí đồ dùng văn phòng	255.379.468
Chi phí khấu hao TSCĐ	863.529.905
Thuế phí và lệ phí	1.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.663.754
Chi phí bằng tiền khác	708.489.652
Tổng	5.529.353.812

5.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Từ 31/07/2015
đến 31/12/2015
VND

Lợi nhuận kế toán trước thuế	296.778.485
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-
<i>Chi phí không hợp lý</i>	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-
Thu nhập chịu thuế	296.778.485
Thuế TNDN phải nộp (22%)	65.291.267
Điều chỉnh thuế của năm trước	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	65.291.267

5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ 31/07/2015
đến 31/12/2015
VND

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	231.487.218
Các khoản điều chỉnh	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	231.487.218
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	46

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

**Từ 31/07/2015
đến 31/12/2015
VND**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.923.845.867
Chi phí nhân công	28.048.707.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.230.485.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.560.526.619
Chi phí khác bằng tiền	967.751.205
Tổng	52.731.316.843

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Ban Giám đốc	Thù lao Thu nhập	99.000.000

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2015 VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty Mẹ	19.955.542.000
Phải thu khác		
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty Mẹ	216.436.709

Các khoản phải trả

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Dịch vụ vận chuyển xe buýt	57.079.392.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, vệ sinh, bảo trì	136.750.000

6.2 Thông tin so sánh

Do đây là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty sau khi được chuyển đổi cổ phần hóa từ Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh nên không có số liệu so sánh.

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc
 Nguyễn Thị Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vân
 Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Anh Toàn
 Nguyễn Anh Toàn